

Số: 262/2026/CV-VikkiBankS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki**
Mã chứng khoán/Mã thành viên: 014
Địa chỉ: 62-70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại liên hệ: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 5445
E-mail: info@vikkibanks.vn
- Nội dung thông tin công bố:**
 - Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 3 năm 2026 đã được kiểm toán;
 - Công văn giải trình về ý kiến kiểm toán có ngoại trừ trên Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 3 năm 2026;
 - Công văn giải trình biến động lợi nhuận trước và sau kiểm toán Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 3 năm 2026.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14/8/2026 tại đường dẫn: <https://vikkibanks.vn/tin-tuc/cong-bo-thong-tin>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 3 năm 2026 đã được kiểm toán;
- Công văn giải trình về ý kiến kiểm toán có ngoại trừ trên Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 3 năm 2026;
- Công văn giải trình biến động lợi nhuận trước và sau kiểm toán Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 3 năm 2026.

Đại diện tổ chức
NGƯỜI ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Bùi Mai Phương Thảo

Công ty TNHH Một thành viên
Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki

(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Số Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

Báo cáo tài chính

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho kỳ kế toán từ ngày
01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026



**Shape the future
with confidence**

Công ty TNHH Một thành viên
Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki

(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Số Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

Báo cáo tài chính

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho kỳ kế toán từ ngày
01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026



Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki
(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki
từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động	10 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	14
Thuyết minh báo cáo tài chính	15 - 59

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki

(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4104000059 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 5 năm 2003 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 12/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 5 năm 2003.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tự doanh chứng khoán, hoạt động lưu ký chứng khoán, quản lý sổ cổ đông, giao dịch ký quỹ chứng khoán và dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại 62 - 70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, và hai chi nhánh như sau:

- ▶ Chi nhánh Hà Nội: Số 181 Nguyễn Lương Bằng, Phường Đồng Đa, TP. Hà Nội
- ▶ Chi nhánh Sài Gòn: Số 60, 62, 64, 66, 68, 70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

Công ty đã thực hiện chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty trách nhiệm hữu hạn sang Công ty cổ phần theo Quyết định 107/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 2 năm 2026 và chính thức hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GP-UBCK ngày 01 tháng 04 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302941973 sửa đổi lần thứ 16 ngày 24 tháng 04 năm 2026.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN/HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 27 tháng 5 năm 2026 như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Hữu Trí	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 02 năm 2025 và đảm nhiệm chức vụ đến ngày 27 tháng 5 năm 2026
Ông Quách Minh Trí	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 02 năm 2025 và đảm nhiệm chức vụ đến ngày 27 tháng 5 năm 2026
Ông Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 02 năm 2025 và đảm nhiệm chức vụ đến ngày 27 tháng 5 năm 2026

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng số Vikki từ ngày 28 tháng 5 năm 2026 đến ngày ra báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Hữu Trí	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2026
Ông Nguyễn Trường Thành	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2026
Ông Quách Minh Trí	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2026
Ông Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2026
Bà Lê Quang Ngọc Thanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2026

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki
(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 27 tháng 5 năm 2026 như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Thiên Phước	Trưởng ban kiêm Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2025 và đảm nhiệm chức vụ đến ngày 27 tháng 5 năm 2026

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki từ ngày 28 tháng 5 năm 2026 đến ngày ra báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Thiên Phước	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2026
Ông Trần Minh Pháp	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2026
Ông Lê Nguyễn Quang Tâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2026

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và đến ngày ra báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Huỳnh Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 8 tháng 6 năm 2026
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 5 năm 2026 và thực hiện nhiệm vụ đến hết ngày 31 tháng 5 năm 2026
Bà Lê Thị Như Nguyệt	Kế toán Trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 8 tháng 6 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki từ ngày 21 tháng 2 năm 2025 đến ngày kết thúc hoạt động theo hình thức Công ty TNHH là ông Nguyễn Hữu Trí, Chủ tịch Công ty.

Người Đại diện pháp luật của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng số Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026 đến ngày ra báo cáo này là ông Nguyễn Hữu Trí, Chủ tịch Công ty.

Ông Huỳnh Anh Tuấn, chức danh Tổng Giám đốc, được ông Nguyễn Hữu Trí ủy quyền ký báo cáo tài chính này theo Giấy Ủy quyền số 07/2026/QĐ-HĐQT ngày 10 tháng 04 năm 2026.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki

(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026) ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính;
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phê duyệt ngày 14 tháng 8 năm 2026

Ông Huỳnh Anh Tuấn
Tổng Giám đốc



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 12859886/E-69298435

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ sở hữu của Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026) ("Công ty") được lập ngày 14 tháng 8 năm 2026 và được trình bày từ trang 6 đến trang 59, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026 và bản thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại *Thuyết minh số 13* - Tài sản tài chính dài hạn, tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, Công ty đang ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á với giá gốc là 12.100.000.000 VND và khoản dự phòng giảm giá đầu tư là 3.153.717.038 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 giá gốc là 12.100.000.000 VND và khoản dự phòng giảm giá đầu tư là 3.153.717.038 VND).

Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá tính hợp lý của khoản dự phòng nêu trên tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và ngày 31 tháng 12 năm 2025. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh khoản dự phòng này hay không, cũng như ảnh hưởng của các điều chỉnh đó (nếu có) đến báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026 cũng như cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng có thể có của vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0763-2024-004-1

Hoàng Thị Hồng Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0761-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2026

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki
(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 03 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		195.296.596.716	193.273.501.767
110	I. Tài sản tài chính		193.877.431.746	191.634.353.380
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	13.595.945.532	64.113.953.594
111.1	a. Tiền		1.595.945.532	7.613.953.594
111.2	b. Các khoản tương đương tiền		12.000.000.000	56.500.000.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	7.1	18.560.858.466	5.935.544.107
114	3. Các khoản cho vay	7.2	160.127.182.430	120.011.305.127
117	4. Các khoản phải thu	8	16.112.695.268	16.136.702.367
117.1	a. Phải thu bán các tài sản tài chính		15.252.400.000	15.252.400.000
117.2	b. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		860.295.268	884.302.367
117.4	- Trong đó: Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi tài sản tài chính chưa đến ngày nhận		860.295.268	884.302.367
118	5. Trả trước cho người bán		60.882.000	56.450.000
119	6. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	9	10.724.244.809	10.684.774.944
122	7. Các khoản phải thu khác	10	32.137.673.341	32.137.673.341
129	8. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	11	(57.442.050.100)	(57.442.050.100)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		1.419.164.970	1.639.148.387
131	1. Tạm ứng		42.540.000	46.828.109
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	1.100.184.952	1.124.593.176
134	3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		13.500.000	13.500.000
136	4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	21	262.940.018	454.227.102
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		44.814.017.131	44.565.405.868
210	I. Tài sản tài chính dài hạn	13	21.468.406.523	21.289.293.064
212.4	1. Các khoản đầu tư		136.980.581.556	136.980.581.556
213	a. Đầu tư dài hạn khác		136.980.581.556	136.980.581.556
213	2. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính dài hạn		(115.512.175.033)	(115.691.288.492)
220	II. Tài sản cố định		2.390.126.509	2.965.608.511
221	1. Tài sản cố định hữu hình	14	1.025.589.425	1.230.991.427
222	a. Nguyên giá		13.529.042.657	13.529.042.657
223a	b. Giá trị hao mòn lũy kế		(12.503.453.232)	(12.298.051.230)
227	2. Tài sản cố định vô hình	15	1.364.537.084	1.734.617.084
228	a. Nguyên giá		22.305.436.934	22.305.436.934
229a	b. Giá trị hao mòn lũy kế		(20.940.899.850)	(20.570.819.850)
250	III. Tài sản dài hạn khác		20.955.484.099	20.310.504.293
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		50.000.000	50.000.000
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	12	905.484.099	872.267.193
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	16	20.000.000.000	19.388.237.100
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		240.110.613.847	237.838.907.635

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Sổ Vikki
(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Sổ Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 03 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		9.749.769.652	7.028.819.588
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		9.749.769.652	7.028.819.588
312	1. Vay ngắn hạn	17	6.000.000.000	-
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	18	336.022.688	256.348.237
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	19	35.908.192	535.908.192
321	4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	20	604.162.000	604.162.000
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	726.519.044	2.961.960.775
323	6. Phải trả người lao động	22	476.105.433	1.176.240.696
324	7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		72.202.747	72.320.747
325	8. Chi phí phải trả ngắn hạn	23	422.400.000	422.400.000
329	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	24	1.075.457.351	998.486.744
331	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		992.197	992.197
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		230.360.844.195	230.810.088.047
410	I. Vốn chủ sở hữu		230.360.844.195	230.810.088.047
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	25.1	500.000.000.000	500.000.000.000
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		8.902.712.767	8.902.712.767
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		8.902.712.768	8.902.712.768
416	4. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		11.770.434.156	11.770.434.156
417	5. Lỗ lũy kế	25.2	(299.215.015.496)	(298.765.771.644)
417.1	a. Lỗ đã thực hiện		(290.201.211.562)	(291.648.583.351)
417.2	b. Lỗ chưa thực hiện		(9.013.803.934)	(7.117.188.293)
440	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		240.110.613.847	237.838.907.635

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki
(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki
từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 03 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
008	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của Công ty	26.1	14.162.720.000	9.382.830.000
012	2. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của Công ty	26.2	72.512.530.000	72.512.530.000
013	3. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Công ty	26.3	280.000.000	-
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của Nhà đầu tư	26.4	1.848.836.441.200	1.832.689.740.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		1.817.666.921.200	1.799.585.110.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		12.016.050.000	12.516.050.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		11.118.000.000	11.118.000.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		3.375.500.000	3.375.500.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		4.659.970.000	6.095.080.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	26.5	4.513.760.000	3.146.150.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		4.487.510.000	3.146.150.000
022.4	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ		26.250.000	-
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	26.6	12.775.760.000	10.494.730.000
025	4. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	26.7	5.633.190.000	8.466.370.000
026	5. Tiền gửi của khách hàng		191.962.143.875	161.130.596.028
027	a. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	26.8	126.375.051.640	130.501.437.498
028	b. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	26.8	41.108.307.427	16.669.843.439
029	c. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	26.8	23.424.600.987	12.883.331.925
029.1	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước		23.423.573.200	12.882.305.050
029.2	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài		1.027.787	1.026.875
030	d. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	26.9	1.054.183.821	1.075.983.166

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki
(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 03 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
031	7. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	26.10	190.907.960.054	160.054.612.862
031.1	a. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		190.198.032.503	159.345.445.184
031.2	b. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		709.927.551	709.167.678
035	8. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	26.11	1.054.183.821	1.075.983.166

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 14 tháng 8 năm 2026

Người lập:



Bà Lê Thị Như Nguyệt
Kế toán trưởng

Người kiểm soát:



Bà Lê Thị Như Nguyệt
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:




Ông Huỳnh Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki
(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
01	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01.1	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		945.884.452	2.163.481.782
01.2	a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	27.1	594.405.000	466.065.700
01.2	b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	27.2	-	(235.508.300)
01.3	c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	27.3	351.479.452	1.932.924.382
03	2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	27.3	4.120.936.271	16.240.666.318
06	3. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27.4	3.559.777.540	15.069.766.857
09	4. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	27.4	184.711.604	851.535.132
10	5. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	27.4	16.363.635	154.545.451
11	6. Thu nhập từ hoạt động khác	27.4	1.908.000	8.424.000
20	Cộng doanh thu hoạt động		8.829.581.502	34.488.419.540
21	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21.1	1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		2.072.035.641	694.351.631
21.2	a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	27.1	175.420.000	544.761.200
21.2	b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	27.2	1.896.615.641	149.590.431
26	2. Chi phí hoạt động tự doanh	29	206.551.771	515.029.605
27	3. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	29	3.700.355.303	13.632.731.856
30	4. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	29	246.244.770	1.102.849.358
31	5. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	29	123.000	237.915.741
32	6. Chi phí các dịch vụ khác	29	70.624.259	306.940.349
40	Cộng chi phí hoạt động		6.295.934.744	16.489.818.540
42	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
42	1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không có định	28	908.489.449	1.409.837.345
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		908.489.449	1.409.837.345
52	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
52	1. Chi phí lãi vay	30	1.000.000	-
54	2. (Hoàn nhập)/chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	30	(179.113.459)	1.766.802.214
60	Cộng chi phí tài chính		(178.113.459)	1.766.802.214
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	31	3.714.553.606	15.886.379.478
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		(94.303.940)	1.755.256.653

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Sổ Vikki
(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Sổ Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
	VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	1. Thu nhập khác		-	442.638.598
72	2. Chi phí khác		-	1.364.470
80	Cộng kết quả hoạt động khác		-	441.274.128
90	VIII. TỔNG (LỖ)/LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")		(94.303.940)	2.196.530.781
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		1.802.311.701	2.581.629.512
92	2. Lỗ chưa thực hiện		(1.896.615.641)	(385.098.731)
100	IX. CHI PHÍ THUẾ TNDN			
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	354.939.912	541.684.875
200	X. (LỖ)/LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		(449.243.852)	1.654.845.906

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 14 tháng 8 năm 2026

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:



Bà Lê Thị Như Nguyệt
Kế toán trưởng

Bà Lê Thị Như Nguyệt
Kế toán trưởng

Ông Huỳnh Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki

(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

B03-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền đã chi mua các tài sản tài chính		(1.024.251.131.245)	(4.201.811.683.937)
02	2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính		1.005.532.308.942	4.198.751.798.312
03	3. Tiền chi nộp quỹ hỗ trợ thanh toán		-	-
04	4. Cổ tức đã nhận		25.000.000	-
05	5. Tiền lãi đã thu		4.049.449.719	16.067.860.541
06	6. Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của công ty chứng khoán		(1.000.000)	-
07	7. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho công ty chứng khoán		(827.400.291)	(3.864.660.572)
08	8. Tiền chi trả cho người lao động		(3.709.991.707)	(12.277.245.552)
09	9. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động công ty chứng khoán		(5.776.549.463)	(15.053.808.140)
11	10. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		55.365.814.853	420.923.335.290
12	11. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(88.111.998.318)	(394.893.065.269)
20	Tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		(57.705.497.510)	7.842.530.673
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	14,15	-	(165.000.000)
22	2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	442.638.598
25	3. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài sản tài chính dài hạn		1.187.489.448	3.420.382.355
30	Tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.187.489.448	3.698.020.953
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	1. Tiền vay gốc		6.000.000.000	-
33.2	a. Tiền vay khác		6.000.000.000	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		6.000.000.000	-
50	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN (SỬ DỤNG VÀO)/TỪ TRONG KỲ		(50.518.008.062)	11.540.551.626
60	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	5	64.113.953.594	52.573.401.968
61	Tiền		7.613.953.594	5.273.401.968
62	Các khoản tương đương tiền		56.500.000.000	47.300.000.000
70	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	5	13.595.945.532	64.113.953.594
71	Tiền		1.595.945.532	7.613.953.594
72	Các khoản tương đương tiền		12.000.000.000	56.500.000.000

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki
(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

B03-CTCK

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
01	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
02	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		827.453.163.680	3.154.450.507.660
07	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(1.388.661.690.596)	(5.672.931.245.431)
09	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		592.162.877.344	2.569.841.477.523
12	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(101.003.236)	(347.700.828)
13	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		1.304.085	1.366.485.786
20	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(23.103.430)	(1.351.086.841)
30	Tăng tiền thuần trong kỳ		30.831.547.847	51.028.437.869
31	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		161.130.596.028	110.102.158.159
32	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		161.130.596.028	110.102.158.159
33	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	26.8	130.501.437.498	89.771.302.889
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	26.8	12.883.331.925	2.017.394
35	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	26.8	16.669.843.439	19.268.253.655
40	- Tiền gửi của tổ chức phát hành	26.9	1.075.983.166	1.060.584.221
41	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng		191.962.143.875	161.130.596.028
42	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		191.962.143.875	161.130.596.028
43	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	26.8	126.375.051.640	130.501.437.498
44	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	26.8	41.108.307.427	16.669.843.439
45	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	26.8	23.424.600.987	12.883.331.925
	- Tiền gửi của tổ chức phát hành	26.9	1.054.183.821	1.075.983.166

Người lập:

Bà Lê Thị Như Nguyệt
Kế toán trưởng

Người kiểm soát:

Bà Lê Thị Như Nguyệt
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:

Ông Huỳnh Anh Tuấn
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 14 tháng 8 năm 2026

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki

(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và

cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4104000059 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 5 năm 2003 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 12/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 5 năm 2003.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tự doanh chứng khoán, hoạt động lưu ký chứng khoán, quản lý sổ cổ đông, giao dịch ký quỹ chứng khoán và dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại 62 - 70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, và hai chi nhánh như sau:

- ▶ Chi nhánh Hà Nội: Số 181 Nguyễn Lương Bằng, Phường Đồng Đa, TP. Hà Nội
- ▶ Chi nhánh Sài Gòn: Số 60, 62, 64, 66, 68, 70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 là 60 người (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 59 người).

Công ty đã thực hiện chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty trách nhiệm hữu hạn sang Công ty cổ phần theo Quyết định 107/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 2 năm 2026 và chính thức hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GP-UBCK ngày 01 tháng 04 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302941973 sửa đổi lần thứ 16 ngày 24 tháng 04 năm 2026.

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, tổng vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 đồng, vốn chủ sở hữu là 230.360.844.195 đồng và tổng tài sản là 240.110.613.847 đồng.

Mục tiêu đầu tư

Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hạn chế đầu tư

Theo quy định tại Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 ("Thông tư 68") và Thông tư số 08/2026/TT-BTC ngày 03 tháng 02 năm 2026 ("Thông tư 08"), một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- ▶ Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- ▶ Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá 50% giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki

(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và

cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- ▶ Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
- ▶ Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính

Vào ngày 01 tháng 04 năm 2026, Công ty đã được chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn sang công ty cổ phần. Theo yêu cầu tại Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành ngày 27 tháng 10 năm 2025 ("Thông tư 99"), khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, Công ty phải tiến hành lập báo cáo tài chính theo các hướng dẫn được trình bày ở *Thuyết minh 3*. Theo đó, báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026 được lập để tuân thủ các quy định về khóa sổ kế toán, lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán cuối cùng trước khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của Thông tư 99.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki
(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và
cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

B09-CTCK

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính này, kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026.

2.5 Thông tin so sánh

Cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính này, các dữ liệu tương ứng của báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và bản thuyết minh báo cáo tài chính có liên quan đi kèm được trình bày cho mục đích cung cấp thông tin và không mang tính so sánh với số liệu của kỳ hiện hành.

2.6 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND" hoặc "đồng").

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp

Theo Thông tư 99, khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, Công ty phải tiến hành lập và trình bày báo cáo tài chính theo các nguyên tắc sau:

- Đối với Báo cáo tình hình tài chính: Toàn bộ số dư tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Công ty trước khi chuyển đổi hình thức sở hữu, là số dư tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, được trình bày trong cột số cuối kỳ. Cột số đầu kỳ trình bày số cuối năm trước, là tại ngày 31 tháng 12 năm 2025; và
- Đối với báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu: Số liệu lũy kế kể từ đầu năm báo cáo đến thời điểm chuyển đổi hình thức sở hữu, là các giao dịch phát sinh cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026, được trình bày trong cột kỳ này (sau đây được gọi chung là "kỳ này"). Cột kỳ trước trình bày số liệu của năm trước, là năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (sau này được gọi chung là "kỳ trước").

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 đến ngày 31 tháng 3 năm 2026 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba (3) tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

4.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ▶ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - ▶ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ▶ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - ▶ Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
 - ▶ Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản bảo đảm cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay*".

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- ▶ Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCom") thì giá trị thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- ▶ Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá đóng cửa tại ngày hủy niêm yết;
- ▶ Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCom") thì giá chứng khoán thực tế là giá theo nhận định của Công ty trên cơ sở đối chiếu giá trị sổ sách và tham khảo giá giao dịch trên thị trường;
- ▶ Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính, giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Cho mục đích xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, cơ sở tính thuế của các tài sản tài chính của Công ty được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng giảm giá. Theo đó, giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng được xác định theo quy định của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ("Thông tư 48") do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 và Thông tư số 24/2022/TT-BTC sửa đổi Thông tư 48.

4.6 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao, và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Việc tiếp tục tham gia mà có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và
cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

B09-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục "*Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý*" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- ▶ Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- ▶ Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Khoản mục "*Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý*" thuộc Vốn chủ sở hữu.

4.8 Các khoản đầu tư tài sản tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận ban đầu theo giá mua, bao gồm chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua như chi phí môi giới, chi phí giao dịch, chi phí thông tin, lệ phí, phí ngân hàng. Cuối kỳ kế toán, các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính dài hạn được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa giá trị vốn góp ban đầu của đơn vị đầu tư so với vốn chủ sở hữu thực có của đơn vị nhận đầu tư tại ngày lập báo cáo. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính dài hạn được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không phải lập dự phòng.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki

(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và

cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.9 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động giữa trên khoản mục "*Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay*" trong kỳ.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán được thực hiện như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4.10 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.11 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.12 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 6 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1 - 6 năm
Máy móc thiết bị	1 năm
Thiết bị quản lý	3 - 6 năm
Tài sản hữu hình khác	3 năm
Phần mềm kế toán và giao dịch chứng khoán	3 - 5 năm
Phần mềm ứng dụng khác	3 - 8 năm

4.13 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

4.14 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn để phân bổ dần từ một (1) đến ba mươi sáu (36) tháng vào báo cáo kết quả hoạt động:

- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng;
- ▶ Chi phí thuê văn phòng;
- ▶ Chi phí mua thiết bị văn phòng; và
- ▶ Chi phí trả trước khác.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki

(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và

cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.15 Các khoản vay

Các khoản vay được trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

4.16 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.17 Lợi ích của nhân viên

4.17.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.17.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ - Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, Công ty có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cho người lao động tự nguyện thôi việc và đáp ứng đầy đủ các yếu tố theo quy định của pháp luật. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức lương bình quân tháng được tính để làm trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

4.17.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Điều 33 Luật Việc làm số 74/2025/QH15 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và Nghị định số 374/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức tối đa bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích tối đa 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki
(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và
cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

B09-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

4.19 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki
(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và
cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

B09-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.20 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

4.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Sổ Vikki
(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Sổ Vikki
từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và

cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4.22 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi/lỗ của báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

4.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4.24 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki
(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và

cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2026 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND</i>
Tiền	1.595.945.532	7.613.953.594
Tiền mặt tại quỹ	12.443.749	12.332.167
Tiền gửi ngân hàng	1.531.216.086	7.573.564.230
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	52.285.697	28.057.197
Các khoản tương đương tiền	12.000.000.000	56.500.000.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng (*)	12.000.000.000	56.500.000.000
	13.595.945.532	64.113.953.594

(*) Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng và lãi suất 4,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng và lãi suất từ 4,5%/năm đến 4,7%/năm).

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỲ

	<i>Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ (đơn vị)</i>	<i>Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ (VND)</i>
Của công ty	1.698.000	48.324.155.000
- Cổ phiếu	1.698.000	48.324.155.000
Của nhà đầu tư	109.052.706	2.741.189.535.590
- Cổ phiếu	104.011.105	2.722.908.417.490
- Chứng chỉ quỹ	501	15.950.100
- Chứng khoán khác	5.041.100	18.265.168.000
	110.750.706	2.789.513.690.590

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki
(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và

cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

7.1 Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	Ngày 31 tháng 03 năm 2026		Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	14.521.930.000	12.638.150.000	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam (DBC)	2.956.670.000	2.389.600.000	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIETCAP (VCI) Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (CTG)	2.924.000.000	2.883.600.000	-	-
Công ty Cổ phần FPT (FPT)	2.802.300.000	2.596.850.000	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)	2.464.000.000	2.076.000.000	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	8.052.732.400	922.708.466	8.052.732.400	935.544.107
Công ty CP Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh (HSI)	7.364.898.000	666.150.400	7.364.898.000	678.347.520
Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS (OCBS) Khác	687.200.000 634.400	256.558.066 -	687.200.000 634.400	257.180.087 16.500
Tiền gửi có kỳ hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
	27.574.662.400	18.560.858.466	13.052.732.400	5.935.544.107

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki
(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và
cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

B09-CTCK

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.2 Các khoản cho vay

	Ngày 31 tháng 03 năm 2026		Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND
Cho vay hoạt động ký quỹ chứng khoán	148.798.626.839	148.798.626.839	111.954.257.534	111.954.257.534
Ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng	11.328.555.591	11.328.555.591	8.057.047.593	8.057.047.593
	160.127.182.430	160.127.182.430	120.011.305.127	120.011.305.127

(*) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của các khoản cho vay trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay (nếu có).

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki
(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki
từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và
cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

B09-CTCK

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.3 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính FVTPL

Tài sản tài chính FVTPL	Ngày 31 tháng 03 năm 2026				Ngày 31 tháng 12 năm 2025			
	Giá gốc VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị hợp lý VND
		Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND			Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu								
1. Cổ phiếu niêm yết								
Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam (DBC)	2.956.670.000	-	(567.070.000)	2.389.600.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIETCAP (VCI)	2.924.000.000	-	(40.400.000)	2.883.600.000	-	-	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	2.802.300.000	-	(205.450.000)	2.596.850.000	-	-	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (CTG)	2.464.000.000	-	(388.000.000)	2.076.000.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần FPT (FPT)	1.896.460.000	-	(551.860.000)	1.344.600.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)	1.478.500.000	-	(131.000.000)	1.347.500.000	-	-	-	-
	14.521.930.000	-	(1.883.780.000)	12.638.150.000	-	-	-	-
2. Cổ phiếu chưa niêm yết								
Công ty CP Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hòa Sinh (HSI)	7.364.898.000	-	(6.698.747.600)	666.150.400	7.364.898.000	-	(6.686.550.480)	678.347.520
Công ty CP Chứng khoán OCBS (OCBS)	687.200.000	-	(430.641.934)	256.558.066	687.200.000	-	(430.019.913)	257.180.087
Khác	634.400	-	(634.400)	-	634.400	-	(617.900)	16.500
	8.052.732.400	-	(7.130.023.934)	922.708.466	8.052.732.400	-	(7.117.188.293)	935.544.107
	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
	27.574.662.400	-	(9.013.803.934)	18.560.858.466	13.052.732.400	-	(7.117.188.293)	5.935.544.107
3. Tiền gửi có kỳ hạn								

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki
(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và
cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

B09-CTCK

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Ngày 31 tháng 03 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Phải thu bán các tài sản tài chính (*)	15.252.400.000	15.252.400.000
Chi tiết như sau:		
- Hoàng Thị Duyên	5.252.400.000	5.252.400.000
- Nguyễn Huy Dũng	4.300.000.000	4.300.000.000
- Nguyễn Thị Bích Thủy	3.300.000.000	3.300.000.000
- Lý Đỗ Nhã Phương	2.400.000.000	2.400.000.000
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	860.295.268	884.302.367
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	142.849.315	115.369.862
- Lãi dự thu từ cho vay ký quỹ chứng khoán	697.445.953	768.932.505
- Dự thu cổ tức	20.000.000	-
	16.112.695.268	16.136.702.367

(*) Khoản mục này bao gồm các khoản phải thu bán các tài sản tài chính được Công ty đánh giá là không có khả năng thu hồi. Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản phải thu này.

9. PHẢI THU CÁC DỊCH VỤ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CUNG CẤP

	Ngày 31 tháng 03 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	9.944.204.560	9.935.813.070
Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	606.067.810	586.657.133
Phải thu hoạt động tư vấn tài chính	141.000.000	141.000.000
Các khoản phải thu khác	32.972.439	21.304.741
	10.724.244.809	10.684.774.944

Bao gồm trong phải thu hoạt động môi giới chứng khoán tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và ngày 31 tháng 12 năm 2025 là khoản phải thu với giá trị là 9.889.631.272 đồng từ các cá nhân là nhân viên cũ của Công ty do các nhân viên này đã không tuân thủ quy trình nghiệp vụ và chính sách của Công ty trong quá trình thực hiện giao dịch và làm việc với khách hàng dẫn đến sai sót đã xảy ra trước đây. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ số tiền chưa thu được dựa trên đánh giá khả năng thu hồi của khoản phải thu này.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Sổ Vikki
(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Sổ Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và

cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2026 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND</i>
Phải thu khách hàng về đặt cọc mua chứng khoán chưa niêm yết (*)	31.600.000.000	31.600.000.000
- Đặng Thị Kim Liên	16.300.000.000	16.300.000.000
- Võ Văn Tâm	15.300.000.000	15.300.000.000
Phải thu tài sản thiếu chờ xử lý	477.211.431	477.211.431
Các khoản phải thu khác	60.461.910	60.461.910
	32.137.673.341	32.137.673.341

(*) Các khoản phải thu khách hàng về đặt cọc mua chứng khoán chưa niêm yết được Công ty đánh giá là không có khả năng thu hồi. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản phải thu này.

11. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

Chi tiết số dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu như sau:

	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2026</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</i>	
	<i>Giá trị phải thu khó đòi VND</i>	<i>Số dư dự phòng VND</i>	<i>Giá trị phải thu khó đòi VND</i>	<i>Số dư dự phòng VND</i>
Dự phòng phải thu khách hàng về đặt cọc mua chứng khoán chưa niêm yết	31.600.000.000	31.600.000.000	31.600.000.000	31.600.000.000
Dự phòng phải thu bán các tài sản tài chính	15.252.400.000	15.252.400.000	15.252.400.000	15.252.400.000
Dự phòng phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	9.889.631.272	9.889.631.272	9.889.631.272	9.889.631.272
Dự phòng phải thu tài sản thiếu chờ xử lý	477.211.431	477.211.431	477.211.431	477.211.431
Dự phòng phải thu hoạt động tư vấn tài chính	141.000.000	141.000.000	141.000.000	141.000.000
Dự phòng phải thu khác	81.807.397	81.807.397	81.807.397	81.807.397
	57.442.050.100	57.442.050.100	57.442.050.100	57.442.050.100

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki
(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và

cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Ngày 31 tháng 03 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.100.184.952	1.124.593.176
- Phí dịch vụ cung cấp thông tin trả cho Sở Giao dịch chứng khoán	365.850.000	-
- Phí bảo trì hệ thống phần mềm kế toán và giao dịch chứng khoán	250.000.003	500.000.002
- Chi phí liên quan đến phần mềm	259.432.000	392.971.000
- Công cụ, dụng cụ khác	112.310	31.661.637
- Phí thuê đường truyền và internet	3.520.000	21.559.290
- Thiết bị tin học	3.620.322	5.906.322
- Phí dịch vụ khác	217.650.317	172.494.925
Chi phí trả trước dài hạn	905.484.099	872.267.193
- Chi phí sửa chữa văn phòng	381.308.983	442.943.233
- Thiết bị, đồ dùng văn phòng	236.701.455	283.861.455
- Máy vi tính	128.724.000	-
- Phí thuê đường truyền và internet	33.537.000	14.015.995
- Chi phí liên quan đến phần mềm	2.797.600	13.366.600
- Chi phí trả trước khác	122.415.061	118.079.910
	2.005.669.051	1.996.860.369

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki
(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và
cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

B09-CTCK

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Ngày 01 tháng 01 năm 2026	1.253.041.000	1.097.131.746	3.278.248.504	7.738.373.611	162.247.796	13.529.042.657
Ngày 31 tháng 03 năm 2026	1.253.041.000	1.097.131.746	3.278.248.504	7.738.373.611	162.247.796	13.529.042.657
Hao mòn lũy kế						
Ngày 01 tháng 01 năm 2026	1.196.013.710	1.097.131.746	2.991.526.856	6.900.062.090	113.316.828	12.298.051.230
Khấu hao trong kỳ	6.024.000	-	43.825.002	150.783.000	4.770.000	205.402.002
Ngày 31 tháng 03 năm 2026	1.202.037.710	1.097.131.746	3.035.351.858	7.050.845.090	118.086.828	12.503.453.232
Giá trị còn lại						
Ngày 01 tháng 01 năm 2026	57.027.290	-	286.721.648	838.311.521	48.930.968	1.230.991.427
Ngày 31 tháng 03 năm 2026	51.003.290	-	242.896.646	687.528.521	44.160.968	1.025.589.425

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 là 9.745.614.157 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 9.119.254.157 đồng).



Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki
(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và
cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

B09-CTCK

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm kế toán và giao dịch chứng khoán VND</i>	<i>Phần mềm ứng dụng khác VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá			
Ngày 01 tháng 01 năm 2026	15.534.956.174	6.770.480.760	22.305.436.934
Ngày 31 tháng 03 năm 2026	15.534.956.174	6.770.480.760	22.305.436.934
Hao mòn lũy kế			
Ngày 01 tháng 01 năm 2026	13.906.986.671	6.663.833.179	20.570.819.850
Hao mòn trong kỳ	360.000.000	10.080.000	370.080.000
Ngày 31 tháng 03 năm 2026	14.266.986.671	6.673.913.179	20.940.899.850
Giá trị còn lại			
Ngày 01 tháng 01 năm 2026	1.627.969.503	106.647.581	1.734.617.084
Ngày 31 tháng 03 năm 2026	1.267.969.503	96.567.581	1.364.537.084

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 là 15.864.436.934 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 15.864.436.934 đồng).

16. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 40/QĐ-HĐTV ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ thanh toán, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ đồng đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh, môi giới.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán như sau:

	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2026 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND</i>
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	9.502.978.172	9.502.978.172
Tiền lãi phân bổ	10.377.021.828	9.765.258.928
	20.000.000.000	19.388.237.100

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki
(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và
cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

B09-CTCK

17. VAY NGÁN HẠN

Vay ngắn hạn

- Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Sài Gòn (*)

Lãi suất vay %/năm	Số đầu kỳ VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số tất toán trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
9,60%	-	6.000.000.000	-	6.000.000.000
9,60%	-	6.000.000.000	-	6.000.000.000

(*) Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, số dư thể hiện các khoản vay từ các tổ chức tín dụng trong nước có kỳ hạn dưới 1 năm theo hợp đồng vay, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với tổng mệnh giá 5.000.000.000 đồng đã được dùng để thế chấp cho các khoản vay (Thuyết minh 7.1).

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, Công ty không có khoản vay nào đến hạn nhưng chưa thanh toán.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki
(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và
cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

B09-CTCK

18. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Ngày 31 tháng 03 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán	275.043.018	196.013.614
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	60.383.170	59.738.123
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	596.500	596.500
	336.022.688	256.348.237

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 03 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Phải trả nhà cung cấp phần mềm giao dịch chứng khoán GOLINE	-	500.000.000
Các khoản phải trả người bán khác	35.908.192	35.908.192
	35.908.192	535.908.192

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 03 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ Nghệ Bột Mì	100.000.000	100.000.000
Công ty TNHH MTV 27/7 Thành phố Hồ Chí Minh	67.500.000	67.500.000
Công ty TNHH MTV – Công ty XNK Ngành In TP.HCM (Primexco)	63.800.000	63.800.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Thuận (Hamico)	60.000.000	60.000.000
Công ty Cổ phần Công Trình Giao Thông Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	50.000.000	50.000.000
Các khoản người mua trả tiền trước khác	262.862.000	262.862.000
	604.162.000	604.162.000

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki
(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và

cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số đầu năm VND</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ VND</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ VND</i>	<i>Số cuối kỳ VND</i>
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(454.227.102)	354.939.912	(163.652.828)	(262.940.018)
Phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	32.345.065	20.841.567	(4.647.400)	48.539.232
Thuế thu nhập cá nhân (TNCN)	2.929.615.710	3.420.476.903	(5.672.112.801)	677.979.812
- Thuế TNCN của nhân viên	171.501.923	263.526.030	(307.803.169)	127.224.784
- Thuế TNCN của nhà đầu tư	2.738.065.059	3.104.166.984	(5.303.185.727)	539.046.316
- Thuế TNCN khác	20.048.728	52.783.889	(61.123.905)	11.708.712
Các loại thuế khác	-	3.853.898	(3.853.898)	-
	2.507.733.673	3.800.112.280	(5.844.266.927)	463.579.026
Trong đó:				
Phải thu	(454.227.102)	354.939.912	(163.652.828)	(262.940.018)
Phải trả	2.961.960.775	3.445.172.368	(5.680.614.099)	726.519.044

22. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2026 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND</i>
Lương hiệu quả kinh doanh và thù lao	247.805.000	1.072.452.850
Lương kinh doanh bổ sung bộ phận Phát triển kinh doanh Môi giới và dịch vụ Ngân hàng Đầu tư	218.076.645	93.680.422
Lương và phụ cấp khác	10.223.788	10.107.424
	476.105.433	1.176.240.696

23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2026 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND</i>
Phải trả dịch vụ chuyên môn	270.000.000	270.000.000
Phải trả Ngân hàng TNHH MTV Số Vikki	23.900.000	23.900.000
Chi phí tín học	100.000.000	100.000.000
Chi phí phải trả khác	28.500.000	28.500.000
	422.400.000	422.400.000

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki
(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và
cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

B09-CTCK

24. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 03 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Phải trả đặt cọc theo hợp đồng tư vấn đầu tư	844.680.231	844.680.231
Phải trả thù lao cung cấp nguồn khách hàng	214.372.892	143.292.717
Các khoản phải trả, phải nộp khác	16.404.228	10.513.796
	1.075.457.351	998.486.744

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Bên góp vốn, số vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty là:

	Ngày 31 tháng 03 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Công ty Cổ phần Kazon Investment (*)	425.050.000.000	-
Nguyễn Trường Thành (*)	50.000.000.000	-
Ngân hàng TNHH Một thành viên Số Vikki (Trước đây là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đồng Á)	24.950.000.000	500.000.000.000
	500.000.000.000	500.000.000.000

(*) Ngân hàng TNHH Một thành viên Số Vikki đã thực hiện chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty cho Công ty Cổ phần Kazon Investment với tỷ lệ là 85,01% và cho Ông Nguyễn Trường Thành với tỷ lệ 10%. Giao dịch chuyển nhượng được hoàn tất vào ngày 27 tháng 2 năm 2026.

25.2 Lỗ lũy kế

	Ngày 31 tháng 03 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Lỗ đã thực hiện	290.201.211.562	291.648.583.351
Lỗ chưa thực hiện	9.013.803.934	7.117.188.293
	299.215.015.496	298.765.771.644

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki
(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và
cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

B09-CTCK



26. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

26.1 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của Công ty

	Ngày 31 tháng 03 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	14.162.720.000	9.382.830.000

26.2 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của Công ty

	Ngày 31 tháng 03 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Cổ phiếu (mệnh giá)	72.512.530.000	72.512.530.000

26.3 Tài sản tài chính được hưởng quyền của Công ty

	Ngày 31 tháng 03 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Tài sản tài chính được hưởng quyền của Công ty	280.000.000	-

26.4 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của Nhà đầu tư

	Ngày 31 tháng 03 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.817.666.921.200	1.799.585.110.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	12.016.050.000	12.516.050.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	11.118.000.000	11.118.000.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	3.375.500.000	3.375.500.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	4.659.970.000	6.095.080.000
	1.848.836.441.200	1.832.689.740.000



Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki
(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và

cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

26. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.5 Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	Ngày 31 tháng 03 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	4.487.510.000	3.146.150.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	26.250.000	-
	4.513.760.000	3.146.150.000

26.6 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

	Ngày 31 tháng 03 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	12.775.760.000	10.494.730.000

26.7 Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư

	Ngày 31 tháng 03 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	5.633.190.000	8.466.370.000

26.8 Tiền gửi của khách hàng

	Ngày 31 tháng 03 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	126.375.051.640	130.501.437.498
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	125.667.207.320	129.794.351.106
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	707.844.320	707.086.392
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	41.108.307.427	16.669.843.439
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	23.424.600.987	12.883.331.925
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	23.423.573.200	12.882.305.050
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	1.027.787	1.026.875
	190.907.960.054	160.054.612.862

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki
(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và

cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

26. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.9 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán

	Ngày 31 tháng 03 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	1.054.183.821	1.075.983.166

26.10 Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

	Ngày 31 tháng 03 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	124.192.577.461	124.377.215.535
- Của Nhà đầu tư trong nước	123.482.649.910	123.668.047.857
- Của Nhà đầu tư nước ngoài	709.927.551	709.167.678
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	66.697.979.060	35.671.068.070
- Của Nhà đầu tư trong nước	66.697.979.060	35.671.068.070
Phải trả khác của Nhà đầu tư	17.403.533	6.329.257
- Của Nhà đầu tư trong nước	17.403.533	6.329.257
	190.907.960.054	160.054.612.862

26.11 Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	Ngày 31 tháng 03 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	1.054.183.821	1.075.983.166

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki
(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki
từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và
cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

B09-CTCK

27. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

27.1. Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL

Chi tiết lãi/(lỗ) từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL theo từng loại như sau:

Danh mục các tài sản tài chính	Số lượng bán cổ phiếu	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán trong kỳ này VND
Cổ phiếu niêm yết	610.000	17.110.605.000		418.985.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TPHCM (CIH)	204.000	3.906.600.000	20.010	(175.420.000)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap (VCI)	166.000	6.055.505.000	34.928	257.405.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG)	150.000	4.018.500.000	25.950	126.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (SSI)	90.000	3.130.000.000	32.433	211.000.000
Trong đó:				
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL				594.405.000
Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL				(175.420.000)



Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki
(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và
cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

B09-CTCK

27. LÃI(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

27.2. Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục các tài sản tài chính	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ghi nhận vào kết quả hoạt động trong kỳ VND
I	FVTPL	27.574.662.400	18.560.858.466	(9.013.803.934)	(7.117.188.293)	(1.896.615.641)
1	Cổ phiếu niêm yết	14.521.930.000	12.638.150.000	(1.883.780.000)	-	(1.883.780.000)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	8.052.732.400	922.708.466	(7.130.023.934)	(7.117.188.293)	(12.835.641)
3	Công cụ thị trường tiền tệ	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	-
	Trong đó:					
	- Chênh lệch tăng					(1.896.615.641)
	- Chênh lệch giảm					-

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki
(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và

cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

27. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

27.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay và phải thu

	Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	351.479.452	1.932.924.382
Từ các khoản cho vay và phải thu	4.120.936.271	16.240.666.318
	4.472.415.723	18.173.590.700

27.4. Doanh thu ngoài thu nhập từ các tài sản tài chính

	Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	3.559.777.540	15.069.766.857
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	184.711.604	851.535.132
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	16.363.635	154.545.451
Thu nhập từ hoạt động khác	1.908.000	8.424.000
	3.762.760.779	16.084.271.440

28. DOANH THU, DỰ THU CỔ TỨC, LÃI TIỀN GỬI KHÔNG CÓ ĐỊNH

	Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	908.489.449	1.409.837.345
- Trong đó: Lãi phân bổ từ tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	829.266.818	1.100.002.947
	908.489.449	1.409.837.345

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki
(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và
cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

B09-CTCK

29. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Chi phí hoạt động tự doanh	206.551.771	515.029.605
- Chi phí lương	194.926.772	501.889.188
- Dịch vụ mua ngoài	3.032.551	3.306.128
- Phí lưu ký tài sản tài chính tự doanh	1.100.448	3.139.289
- Chi phí khác	7.492.000	6.695.000
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	3.700.355.303	13.632.731.856
- Chi phí lương	1.196.562.906	3.967.869.779
- Dịch vụ mua ngoài	902.378.660	3.245.927.707
- Phí giao dịch chứng khoán môi giới	741.939.180	3.153.398.787
- Khấu hao TSCĐ	112.935.000	198.861.897
- Chi phí quản lý hoạt động môi giới khác	547.594.123	2.325.010.336
- Chi phí khác	198.945.434	741.663.350
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	246.244.770	1.102.849.358
- Phí lưu ký chứng khoán cho khách hàng	149.253.411	653.963.510
- Chi phí lương	54.313.350	350.538.155
- Dịch vụ mua ngoài	22.271.009	22.032.705
- Chi phí khác	20.407.000	76.314.988
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	123.000	237.915.741
Chi phí các dịch vụ khác	70.624.259	306.940.349
	4.223.899.103	15.795.466.909

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
(Hoàn nhập)/chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	(179.113.459)	1.766.802.214
Chi phí liên quan đến khoản vay	1.000.000	-
	(178.113.459)	1.766.802.214

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki
(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và

cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

31. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026 VND</i>	<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND</i>
Chi phí nhân viên quản lý	2.255.072.542	10.223.582.538
- Lương và các khoản phúc lợi	1.990.865.442	9.151.114.138
- BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	264.207.100	1.072.468.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.145.249.860	4.499.047.357
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	198.799.002	743.052.686
Chi phí công cụ, dụng cụ	71.004.112	324.779.137
Chi phí văn phòng phẩm	7.614.590	36.298.760
Chi phí thuê, phí và lệ phí	-	5.000.000
Chi phí khác	36.813.500	54.619.000
	3.714.553.606	15.886.379.478

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki
(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và

cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế (kỳ trước: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

32.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN hiện hành và lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(94.303.940)	2.196.530.781
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	(18.860.788)	439.306.156
Các khoản điều chỉnh tăng	382.800.700	102.378.719
- Chi phí không được khấu trừ	3.477.572	25.358.973
- Chênh lệch về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	379.323.128	77.019.746
Các khoản điều chỉnh giảm	(9.000.000)	-
- Thu nhập từ cổ tức	(9.000.000)	-
Chi phí thuế TNDN trong kỳ	354.939.912	541.684.875

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki
(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và
cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

B09-CTCK

33. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

33.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Ngân hàng TNHH Một thành viên Số Vikki	Ngân hàng mẹ đến ngày 27 tháng 2 năm 2026	Thu lãi tiền gửi	91.340.823	761.552.564
		Trả phí ngân hàng	4.837.480	19.817.936
		Chi thuê mặt bằng	277.698.000	1.282.789.149
		Tăng tiền gửi của khách hàng	210.308.611.440	1.134.770.698.896
		Giảm tiền gửi của khách hàng	186.581.523.836	1.127.959.128.697
		Gửi tiền vào tài khoản thanh toán của Công ty	69.021.738.213	383.837.323.016
Hội đồng Thành viên		Rút tiền từ tài khoản thanh toán của Công ty	70.414.395.244	384.379.170.605
		Doanh thu lưu ký	873	5.772
Ban Tổng Giám đốc		Doanh thu lưu ký	876	5.760

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki

(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và

cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

33. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

33.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Thủ lao các thành viên Hội đồng Thành viên, Ban kiểm soát và lương, thưởng Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng số Vikki và các bên liên quan đến các cá nhân này:

Cho kỳ kế toán
từ ngày 01 tháng 01 năm
2026 đến ngày
31 tháng 03 năm 2026
VND

Thủ lao trả cho các thành viên Hội đồng Thành viên	120.000.000
Trong đó:	
Ông Nguyễn Hữu Trí	-
Ông Quách Minh Trí	120.000.000
Thủ lao trả cho Ban Kiểm soát	30.000.000
Trong đó:	
Ông Trần Thiên Phước	30.000.000
Lương thưởng Tổng Giám Đốc	279.635.392
Trong đó:	
Ông Huỳnh Anh Tuấn	279.635.392

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12
năm 2025
VND

Thủ lao trả cho các thành viên Hội đồng Thành viên	648.500.000
Trong đó:	
Ông Nguyễn Hữu Trí	150.000.000
Ông Quách Minh Trí	498.500.000
Thủ lao trả cho Ban Kiểm soát	137.125.000
Trong đó:	
Ông Trần Thiên Phước	137.125.000
Lương thưởng Tổng Giám đốc	1.179.649.216
Trong đó:	
Ông Huỳnh Anh Tuấn	1.179.649.216

33. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

33.2 Thông tin báo cáo bộ phận

Tổng Giám đốc tập trung việc quản lý và đánh giá hiệu quả hoạt động trên khía cạnh toàn Công ty và chưa tiến hành xem xét và đánh giá theo từng bộ phận kinh doanh, do đó Tổng Giám đốc quyết định không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và trình bày thông tin này.

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

33.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki
(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và
cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

B09-CTCK

33. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

33.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Thành viên của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính sẽ bị thay đổi và ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki
(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki
từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và
cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

B09-CTCK

33. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

33.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2026:

	Quá hạn VND	Không kỳ hạn VND	Đến 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH (*)						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	1.595.945.532	12.000.000.000	-	-	13.595.945.532
Các tài sản tài chính FVTPL	-	13.560.858.466	5.000.000.000	-	-	18.560.858.466
Các khoản đầu tư dài hạn khác - gộp	-	-	-	-	136.980.581.556	136.980.581.556
Các khoản cho vay	-	-	160.127.182.430	-	-	160.127.182.430
Tài sản tài chính khác - gộp	57.429.100.100	-	1.596.408.805	-	12.604.513	59.038.113.418
Phải thu bán các tài sản tài chính	15.252.400.000	-	-	-	-	15.252.400.000
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	10.051.631.272	-	-	-	-	10.051.631.272
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính	-	-	672.613.537	-	-	672.613.537
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	-	860.295.268	-	-	860.295.268
Các khoản phải thu khác	32.125.068.828	-	63.500.000	-	-	63.500.000
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	-	-	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000
	57.429.100.100	15.156.803.998	198.723.591.235	-	136.993.186.069	408.302.681.402
NỢ TÀI CHÍNH						
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	336.022.688	-	-	336.022.688
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-	422.400.000	-	-	422.400.000
Phải trả người bán ngắn hạn	-	-	35.908.192	-	-	35.908.192
Phải trả, phải nộp khác	-	-	230.777.120	30.351.700	815.320.728	1.076.449.548
	-	-	1.025.108.000	30.351.700	815.320.728	1.870.780.428
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	57.429.100.100	15.156.803.998	197.698.483.235	(30.351.700)	136.177.865.341	406.431.900.974

(*) Khoản này không bao gồm dự phòng.



CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỮ ĐÓNG

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki
(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và
cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

B09-CTCK

33. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

33.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và yêu cầu các hình thức đảm bảo hoặc bảo hiểm tín dụng cho các khách hàng lớn. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận Tài chính của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản ứng trước cho khách hàng và cho vay ký quỹ chứng khoán

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng và cho vay ký quỹ chứng khoán.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki
(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki
từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và
cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

B09-CTCK

33. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

33.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng cho toàn bộ tài sản tài chính có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 như sau:

	Không quá hạn và không bị suy giảm giá trị VND	Quá hạn nhưng không bị suy giảm giá trị				Bị suy giảm giá trị VND	Tổng cộng VND
		Dưới 3 tháng VND	3 - 6 tháng VND	6 - 12 tháng VND	Trên 1 năm VND		
Tiền và các khoản tương đương	13.595.945.532	-	-	-	-	-	13.595.945.532
Các khoản cho vay (*)	160.127.182.430	-	-	-	-	-	160.127.182.430
Phải thu bán các tài sản tài chính	-	-	-	-	-	15.252.400.000	15.252.400.000
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	672.613.537	-	-	-	-	10.051.631.272	10.724.244.809
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính	860.295.268	-	-	-	-	-	860.295.268
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	63.500.000	-	-	-	-	-	63.500.000
Các khoản phải thu khác	-	-	-	-	12.604.513	32.125.068.828	32.137.673.341
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	20.000.000.000	-	-	-	-	-	20.000.000.000
	195.319.536.767	-	-	-	12.604.513	57.429.100.100	252.761.241.380

(*) Khoản này không bao gồm dự phòng

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki
(Được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki từ ngày 01 tháng 04 năm 2026)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 và
cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

B09-CTCK

34. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Ngày 31 tháng 03 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Trong vòng 1 năm	1.112.411.588	247.202.575

Cam kết thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê văn phòng làm việc của Công ty tại các địa chỉ:

- số 62, 64, 66, 68, 70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh; và
- số 8 Pasteur, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.

35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào ngày 1 tháng 4 năm 2026, Công ty đã hoàn tất việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty trách nhiệm hữu hạn sang Công ty cổ phần theo Quyết định 107/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 2 năm 2026 và chính thức hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GP-UBCK ngày 01 tháng 04 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 14 tháng 8 năm 2026

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:



Bà Lê Thị Như Nguyệt
Kế toán trưởng

Bà Lê Thị Như Nguyệt
Kế toán trưởng

Ông Huỳnh Anh Tuấn
Tổng Giám đốc